

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 288/2017/HS-ST
Ngày 03-11-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy Lan;

2. Bà Trần Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 288/2017/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 298/2017/HSST-QĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 đối với:

- Bị cáo: Nguyễn Văn H, sinh 1989 tại Bến Tre; thường trú: Ấp 7, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Lữ Thị M, sinh năm 1946; bị cáo có 07 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1973, nhỏ nhất sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bắt tạm giam từ ngày từ 17/7/2017 đến nay; bị cáo có mặt.

- Người bị hại: Ông Tống Văn T, sinh năm 1994; thường trú: Ấp C, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: Số 419, Huỳnh Tấn Phát, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH Phát Triển Thương Mại Dịch Vụ K; địa chỉ trụ sở: Số 419, Huỳnh Tấn Phát, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Phát Triển Thương Mại Dịch Vụ K: Ông Tống Văn T, sinh năm 1994; thường trú: Ấp C, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: Số 419, Huỳnh Tấn Phát, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ

Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền 02-11-2017), có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Phạm Thanh H1, sinh năm 1979; thường trú: Thôn 7, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở: Tổ 1, khu phố M, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Huy H2, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 52-54 đường số 7, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H là tài xế chở hàng cho Công ty TNHH phát triển Thương mại Dịch vụ K (gọi tắt là Công ty K) tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh do anh Bùi Đình M làm Giám đốc. Khoảng 10 giờ ngày 21/10/2016 bị cáo H điều khiển xe ô tô tải biển số 51C-919.53 cùng phụ xe là anh Tống Văn T đi giao vỏ xe ô tô cho Cửa hàng kinh doanh phụ tùng xe của anh Phạm Thanh H, tại tổ 1, khu phố M, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Khi đến nơi H và T bốc hàng xuống giao xong thì anh H1 thanh toán tổng số tiền hàng trong hóa đơn là 91.100.000 đồng cho anh T trực tiếp nhận và cất vào túi xách màu nâu. H tiếp tục điều khiển xe ô tô cùng anh T đi giao hàng tại địa điểm khác trên địa bàn thị xã D. Trên đường đi anh T bỏ túi xách màu nâu bên trong đựng số tiền hàng trên vào hộp tủ để đồ của cabin xe phía đối diện chỗ ngồi của T và đóng lại. Quá trình đi trên xe H có hỏi anh T về số tiền hàng đã nhận được bao nhiêu, anh T trả lời khoảng gần 100.000.000 đồng. Đến 18 giờ cùng ngày, khi H và anh T đến cửa hàng kinh doanh vỏ xe H tại địa chỉ 52-54 đường số 7, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương thì H lùi xe vào trong cửa hàng, H và anh T đi vào trong gặp anh H2 cùng Nguyễn Huy Th (nhân viên cửa hàng). H nói muốn đi ra ngoài ăn cơm nên anh T đồng ý; còn anh T cùng anh H2 và anh Th ở phía sau xe bốc hàng vào kho. Lúc này H lên xe ô tô, đóng hết cửa kính hai bên, chồm người qua bên ghế phụ dùng tay mở hộp tủ ra lấy túi xách màu nâu anh T cất trước đó ra ngoài và mở dây kéo của túi xách phát hiện bên trong có nhiều xấp tiền gồm các loại mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng và 100.000 đồng. H liền lấy toàn bộ số tiền trong túi xách bỏ vào túi quần rồi nhanh chóng xuống xe ô tô và thuê xe mô tô chở tới Bến xe Miền Tây. Tại đây H thuê nhà nghỉ để tắm, sau đó rút ra số tiền 20.000.000 đồng để riêng tiêu xài; còn lại cất vào túi quần. H tiếp tục đón xe khách đi về tỉnh Cà Mau, tới nơi H thuê phòng tại một nhà nghỉ gần Bến xe Cà Mau để nghỉ và lấy số tiền còn lại trong túi quần ra kiểm tra được 71.100.000 đồng. Sau đó H tiếp tục đón xe về thành phố Cần Thơ thuê nhà trọ tại khu vực đường T, quận N sinh sống và tiêu xài hết số tiền đã chiếm đoạt của anh T.

Đối với anh T sau khi giao hàng xong không thấy H quay lại, liên lạc không được nên điện báo cho anh Bùi Đùng M biết và anh M đã làm đơn trình báo toàn bộ sự việc mất tiền cho Công an phường A, thị D, tỉnh Bình Dương.

Ngày 17/7/2017 Nguyễn Văn H đến Công an thị xã D đầu thú, cơ cảnh sát điều tra Công an thị xã D đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và bắt tạm giam đối với Nguyễn Văn H.

Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án là số tiền 91.100.000 đồng, không thu hồi được.

Tại cáo trạng số: 278/QĐ - KSĐT ngày 28 tháng 9 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết buộc bị cáo H có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty K số tiền 91.100.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trong bản cáo trạng đã nêu và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng cũng không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Khoảng 10 giờ ngày 21/10/2016 tại khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương bị cáo Nguyễn Văn H đã lén lút chiếm đoạt số tiền 91.100.000 đồng từ túi xách màu nâu cất trong hộp tủ để đồ của cabin xe ô tô tải biển số 51C-919.53. Số tiền bị cáo H chiếm đoạt là tiền bán hàng của Công ty TNHH phát triển Thương mại Dịch vụ K do anh Tống Văn T là nhân viên trực tiếp thu tiền, chịu trách nhiệm quản lý để giao lại cho Công ty.

Tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định: “Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: ...e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng...”.

Như vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H chiếm đoạt số tiền 91.100.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Do đó Cáo trạng số 278/QĐ - KSĐT ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn H là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo Nguyễn Văn H thực hiện là nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam tư lợi mong muốn có tiền để tiêu xài nên đã cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo H đã đầu thú, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Do đó cần xem xét các tình tiết trên để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội. Tại phiên tòa bị cáo khai cha bị cáo là người có công với cách mạng nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha đã chết, mẹ lớn tuổi, sống xa gia đình, thiếu tình thương và sự quan tâm chăm sóc, giáo dục của gia đình.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Văn H chiếm đoạt là 91.100.000 đồng. Đây là tiền mua hàng vỏ xe ô tô của anh Phạm Thanh H1 thanh toán hóa đơn hàng ngày 21/10/2016 cho Công ty K, do anh Tống Văn T nhân viên công ty trực tiếp nhận. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được bị cáo H đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết, hiện tại bị cáo vẫn chưa bồi thường được khoản tiền nào cho người bị hại. Tại phiên tòa anh Tống Văn T là người bị hại đồng thời là người đại diện theo ủy quyền cho Công ty K yêu cầu bị cáo H phải bồi thường số tiền 91.100.000 đồng cho Công ty K. Bị cáo H đồng ý bồi thường thiệt hại cho Công ty K nhưng do đang bị tạm giam không có tiền nên sau khi bị cáo chấp hành án xong đi làm sẽ trả dần cho Công ty K. Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại của anh T và Công ty K là có căn cứ nên buộc bị cáo H phải bồi thường số tiền 91.100.000 đồng cho Công ty K.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo H và giải quyết về trách nhiệm dân sự là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; ngoài ra bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự cho bị hại nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a và c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 7 năm 2017.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 604, Điều 608 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho Công ty TNHH Phát Triển Thương Mại Dịch Vụ K số tiền 91.100.000đ (chín mươi một triệu một trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a và c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.555.000đ (bốn triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- Công an thị xã Dĩ An;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, THAHS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Dĩ An;
- Công an thị xã Dĩ An;
- Chi cục THA thị xã Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Ngà